

Số: 50 /2018/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THÔNG TƯ

### Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi, việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Giấy phép) đối với các nội dung sau:

(i) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại; thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại, mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Gia hạn thời hạn hoạt động;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

(i) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

(ii) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ngân hàng thương mại;

(iii) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng.

2. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, vốn điều lệ của ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

4. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng thương mại.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Thông tư này.

## **Điều 3. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi**

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố được phân cấp (sau đây gọi chung là Ngân hàng Nhà nước).

#### **Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với ngân hàng thương mại và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quy mô lớn theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố chấp thuận những nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở trên địa bàn trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Chương II**

## **HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN NHỮNG THAY ĐỔI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 5. Thay đổi tên**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Tên hiện tại;

(ii) Tên dự kiến thay đổi đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan về đặt tên;

(iii) Lý do thay đổi tên;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc thay đổi tên của ngân hàng thương mại; Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có quyết định sửa đổi Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cùng địa bàn**

**tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Địa điểm hiện tại;

(ii) Địa điểm dự kiến chuyển đến;

(iii) Lý do thay đổi;

(iv) Kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới đảm bảo đáp ứng các điều kiện đối với trụ sở theo quy định của pháp luật;

(v) Kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

3. Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép.

**Điều 7. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại đang đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang đặt trụ sở**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Đối với ngân hàng thương mại: Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

(i) Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

(ii) Phương án hoạt động trong 03 năm đầu tại địa bàn mới với các nội dung tối thiểu sau: Phân tích, đánh giá nhu cầu dịch vụ ngân hàng tại địa bàn hoạt động mới; Dự kiến chiến lược kinh doanh và nêu rõ các thay đổi về chiến lược kinh doanh (nếu có); Dự kiến kết quả kinh doanh trong 03 năm đầu hoạt động tại địa bàn mới và các thuyết minh liên quan.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

4. Tối thiểu 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, ngân hàng thương mại có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép.

**Điều 8. Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở**

1. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở và tài liệu chứng minh việc thay đổi địa chỉ gửi Ngân hàng Nhà nước (trừ trường hợp thay đổi địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính).

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép.

**Điều 9. Gia hạn thời hạn hoạt động**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- (i) Thời hạn hoạt động hiện tại;
- (ii) Thời hạn hoạt động dự kiến gia hạn;
- (iii) Lý do gia hạn thời hạn hoạt động;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc gia hạn thời gian hoạt động của ngân hàng thương mại; Văn bản của ngân hàng mẹ thông qua việc gia hạn thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn và kết quả kinh doanh; tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự kiến kế hoạch kinh doanh cho 03 năm tiếp theo.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 06 tháng trước ngày Giấy phép hết thời hạn, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Giấy phép; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 10. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

(ii) Lý do, sự cần thiết của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

(iii) Các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh đến quyền và lợi ích của khách hàng;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh; Quyết định của Tổng Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh;

c) Tài liệu chứng minh sự cần thiết của việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 45 ngày làm việc trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động kinh doanh, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đăng trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tại một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam, trong đó phải có các thông tin về thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động.

**Điều 11. Tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật**

## 1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;

(ii) Mức vốn điều lệ hiện tại, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông, số lượng từng loại cổ phần ưu đãi và số lượng cổ phiếu quỹ; mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(iii) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;

(iv) Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

c) Phương án tăng mức vốn điều lệ quy định tại điểm b khoản này tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, gồm: Các thông tin về trái phiếu chuyển đổi đã phát hành: số lượng trái phiếu, mệnh giá trái phiếu, thời hạn trái phiếu; Các thông tin dự kiến chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: số lượng trái phiếu, mệnh giá trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi (trường hợp tăng vốn điều lệ từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông);

(ii) Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; Thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ (trường hợp tăng vốn điều lệ từ các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác);

(iii) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin định danh (đối với cá nhân: họ, tên, số thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; đối với tổ chức: tên tổ chức, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, số thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, ngày cấp, nơi cấp) của cổ đông, người có liên quan của cổ đông theo quy định của pháp luật;

(iv) Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn.

## 2. Trình tự, thủ tục chấp thuận:

a) Ngân hàng thương mại lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được



hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Văn bản chấp thuận tăng mức vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, ngân hàng thương mại có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép kèm các tài liệu sau:

(i) Văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu;

(ii) Thông tin quy định tại điểm c(iii), c(iv) khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành phát hành cổ phiếu.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép.

**Điều 12. Tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần ngoài các trường hợp tăng mức vốn điều lệ quy định tại Điều 11 Thông tư này**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ hiện tại và mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(ii) Cam kết thông báo cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, trong đó bao gồm:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua; không được mua dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật các tổ chức tín dụng về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan;

- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan;

(iii) Trường hợp ngân hàng thương mại tăng vốn điều lệ dẫn đến việc hình thành cổ đông lớn hoặc cổ đông lớn trở thành cổ đông thường, văn bản đề nghị phải bao gồm các thông tin sau: tên cổ đông, tỷ lệ cổ phần sở hữu trước và dự kiến sau khi ngân hàng thương mại tăng vốn điều lệ;

b) Nghị quyết hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại;

c) Phương án tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần tại điểm b khoản này, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết tăng mức vốn điều lệ;

(ii) Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm; tổng mệnh giá phát hành, loại cổ phần phát hành, đối tượng phát hành; các đợt dự kiến phát hành và phương án phát hành cho từng đợt (nếu có);

(iii) Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu;

d) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin định danh của cổ đông, người có liên quan của cổ đông theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận, hiệu lực của văn bản chấp thuận, sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 11 Thông tư này.

### **Điều 13. Tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn**

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

(i) Mức vốn điều lệ hiện tại và mức vốn điều lệ dự kiến tăng;

(ii) Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ;

(iii) Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận để lại và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ (trường hợp nguồn tăng vốn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận để lại và các quỹ khác);

(iv) Cam kết sử dụng nguồn tiền hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên góp vốn để cấp, góp thêm (trường hợp nguồn tăng vốn điều lệ do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp, góp thêm);

b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyết định của chủ sở hữu đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông qua việc tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm;

(ii) Các đợt dự kiến tăng mức vốn điều lệ;

(iii) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;